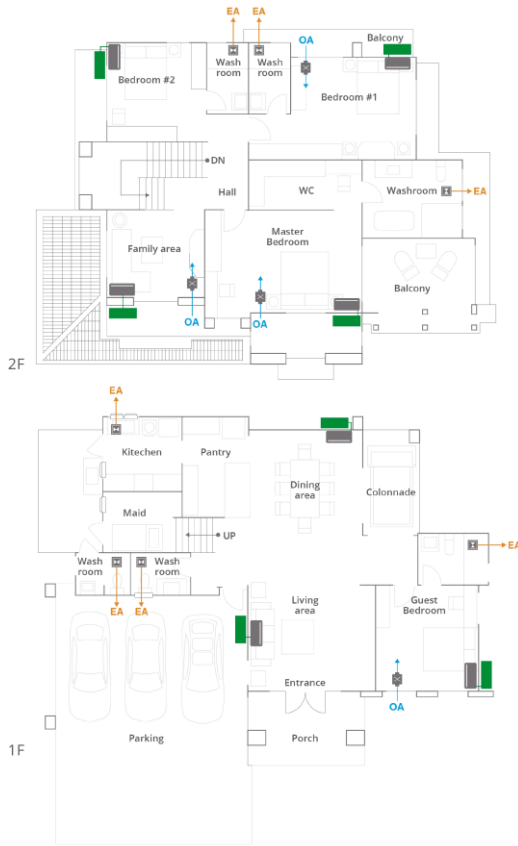


## Kết quả mô phỏng nồng độ



|                                                |                                |
|------------------------------------------------|--------------------------------|
| Loại cơ sở :                                   | Trang chủ cao cấp              |
| Khu vực mục tiêu :                             | 162.42 m <sup>2</sup>          |
| Chiều cao không gian :                         | 2.7m                           |
| Loại dàn lạnh và máy phát điện nanoe™ :        | Gắn tường (Mark 3)             |
| Loại dàn nóng:                                 | Chia nhỏ một lần               |
| Đơn vị thông gió:                              | Quạt cấp gió<br>Quạt thông gió |
| Mức nồng độ nanoe™ trung bình (120 phút sau) : | Level 3                        |

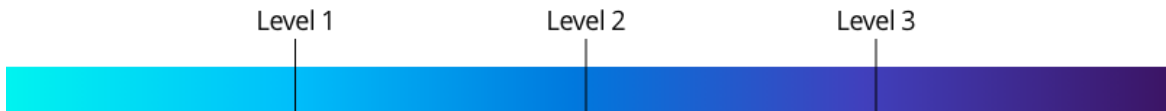


## mức độ phân bố và nồng độ nanoe™ theo thời gian

nanoe™ mang lại 7 lợi ích chính ngay từ khi nồng độ đạt Mức 1.

Mức nồng độ ảnh hưởng đến tốc độ phát huy công dụng. Nồng độ ở mức 2 cao gấp 10 lần so với nồng độ ở mức 1 và nồng độ ở mức 3 cao gấp 20 lần so với nồng độ ở mức 1.

\*Kết quả đạt được chỉ nhằm mục đích mô phỏng và nồng độ có thể thay đổi tùy theo điều kiện thực tế của phòng.



### Điều kiện phòng

[1F] Phòng bếp: 6.63m<sup>2</sup>, Nhà bếp: 7.54m<sup>2</sup>, Phòng của người giúp việc: 5.1m<sup>2</sup>, Khu ăn uống: 15.94m<sup>2</sup>, Khu vực sinh hoạt: 22.16m<sup>2</sup>, Phòng ngủ cho khách: 11.45m<sup>2</sup>, Không gian khác: 2.96m<sup>2</sup>, Phòng vệ sinh #1: 2.53m<sup>2</sup>, Phòng vệ sinh #2: 2.99m<sup>2</sup>, Phòng vệ sinh #3: 4.29m<sup>2</sup>

[2F] Phòng ngủ chính: 22.36m<sup>2</sup>, Khu vực gia đình: 8.75m<sup>2</sup>, Sân: 12.58m<sup>2</sup>, Phòng ngủ số 1: 13.97m<sup>2</sup>, Phòng ngủ số 2: 9.22m<sup>2</sup>, Phòng vệ sinh #1: 7.78m<sup>2</sup>, Phòng vệ sinh #2 & Phòng vệ sinh #3: 6.17m<sup>2</sup>

- Loại dàn lạnh : Gắn tường
- Vị trí dàn lạnh hoặc cửa gió : Như trong ảnh
- Thông gió

Vị trí cửa gió hút vào/thổi ra : Như trong ảnh

Lượng thông gió : Mức độ thông gió phù hợp có tham khảo các tiêu chuẩn và hướng dẫn của ASHRAE

### Các điều kiện khác

Lượng nanoe được tạo : 48 nghìn tỷ/giây (Mark3)

Bán chu kỳ của gốc hydroxyl: Khoảng 10 phút

Phương pháp mô phỏng: Phân tích khuếch tán dung dịch/nồng độ bằng phương pháp thể tích hữu hạn

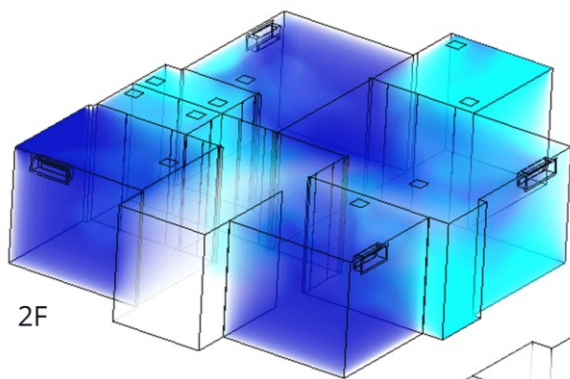
### Ghi chú

Nồng độ của nanoe™ sẽ cố định sau một khoảng thời gian. Kết quả này cho thấy sự khuếch tán nanoe™ sẽ thay đổi 3 lần trước khi nồng độ nanoe™ cố định.

Sự khuếch tán nanoe™ không bị ảnh hưởng bởi chế độ hoạt động của điều hòa không khí (chế độ sưởi, làm mát, nanoe™, v.v.).

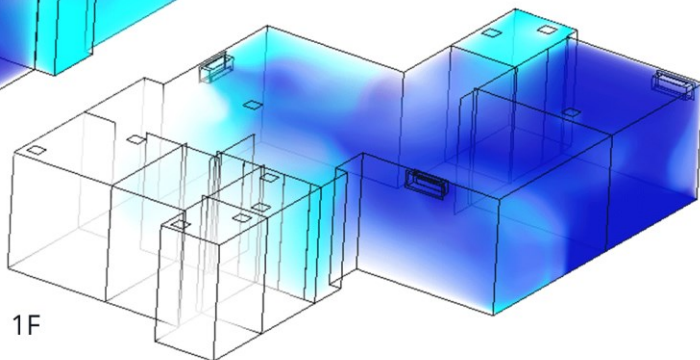
Hoạt động mô phỏng được tiến hành trong một không gian độc lập bằng cách chia ngôi nhà thành từng phòng.

Các hạt nanoe™ có kích thước nano mét cực nhỏ. Các hạt này không thể nhìn thấy bằng mắt thường, do đó, hình ảnh nồng độ chỉ nhằm mục đích minh họa.

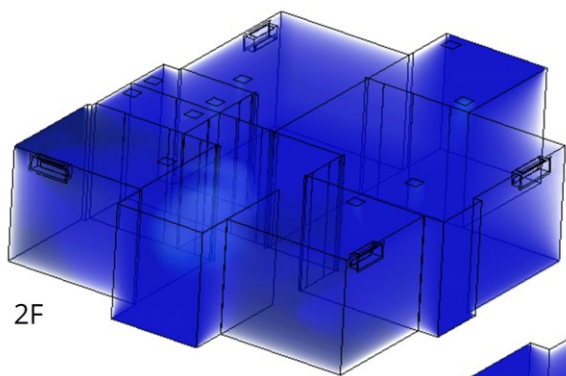


2F

Sau 1 phút

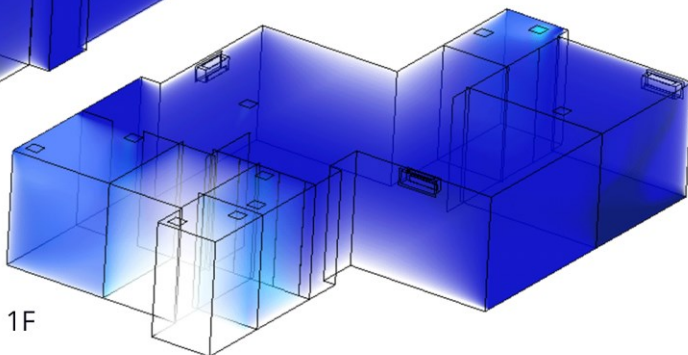


1F

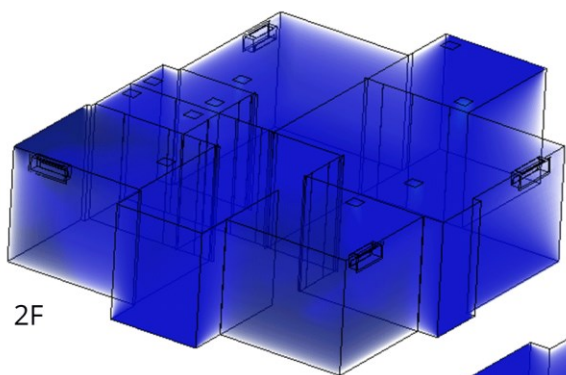


2F

Sau 10 phút

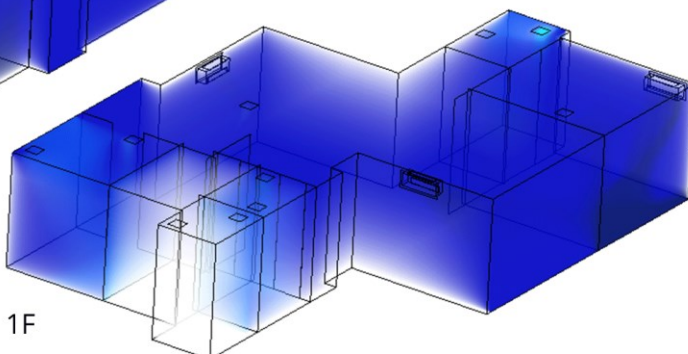


1F



2F

Sau 120 phút



1F



Chìa khóa để đạt hiệu quả công dụng chính là nồng độ của nanoe™ X

## 7 công dụng của nanoe™ X

### Khử mùi



Mùi

### Ức chế 5 loại chất ô nhiễm



Vi khuẩn & virus



Nấm mốc



Chất gây dị ứng



Phấn hoa



Các chất độc hại



Da & tóc

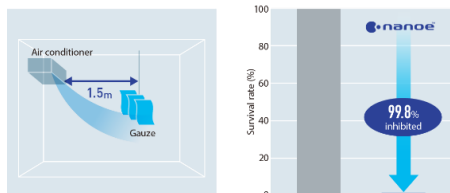
Được gọi là chất tẩy rửa tự nhiên, các gốc hydroxyl (hay gốc OH) là các phân tử phản ứng tự nhiên luôn tìm cách phản ứng với các nguyên tố khác như hydro. Phản ứng này giúp các gốc hydroxyl ức chế sự phát triển của các chất ô nhiễm. Công dụng này của công nghệ nanoe™ X Panasonic giúp làm sạch bề mặt và bầu không khí trong nhà.

Chìa khóa để đạt hiệu quả công dụng chính là nồng độ của nanoe™ X. Nồng độ càng cao thì càng có nhiều gốc hydroxyl trong không gian và công dụng càng được phát huy nhanh hơn.

Nhờ đó, bạn có thể tận hưởng một không gian sống dễ chịu và thoải mái.

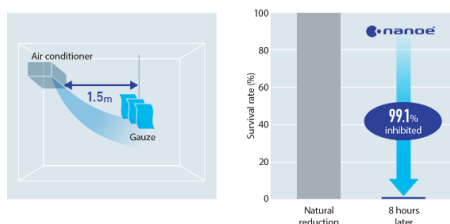
## LEVEL 1 Công dụng mong đợi ở nồng độ mức 1

### Vi rút bám trên bề mặt



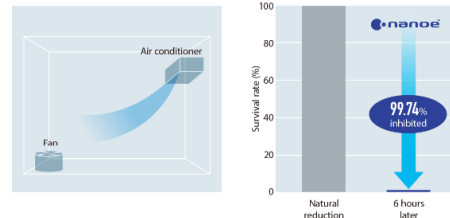
- (1) Tổ chức kiểm nghiệm: Các phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm của Nhật Bản
- (2) Đối tượng kiểm nghiệm: Thực khuẩn thể bám trên các bề mặt Φ x 174
- (3) Thể tích kiểm nghiệm: Phòng thí nghiệm khoảng 25 m<sup>3</sup> (3,3 x 3,5 x 2,2m)
- (4) Kết quả kiểm nghiệm: Ức chế 99,8% trong 8 giờ
- (5) Báo cáo số: 13001265005-01

### Vi khuẩn



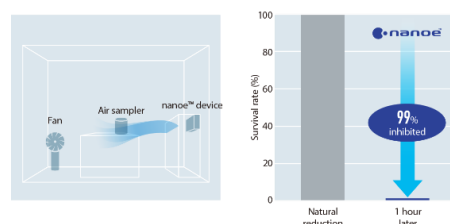
- (1) Tổ chức kiểm nghiệm: Các phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm của Nhật Bản
- (2) Đối tượng kiểm nghiệm: Tự cầu vàng bám trên các bề mặt
- (3) Thể tích kiểm nghiệm: Phòng thí nghiệm khoảng 23 m<sup>3</sup> (3,6 x 2,7 x 2,4m)
- (4) Kết quả kiểm nghiệm: Ức chế 99,1% trong 8 giờ
- (5) Báo cáo số: 13044083003-01

### Virus trong không khí



- (1) Tổ chức kiểm nghiệm: Trung tâm nghiên cứu về khoa học môi trường Kitasato
- (2) Đối tượng kiểm nghiệm: Thực khuẩn thể trong không khí 174
- (3) Thể tích kiểm nghiệm: Phòng thí nghiệm khoảng 25 m<sup>3</sup> (3,5 x 3,3 x 2,2m)
- (4) Kết quả kiểm nghiệm: Ức chế 99,74% trong 6 giờ
- (5) Báo cáo số: 24\_0300\_1

### Nấm mốc

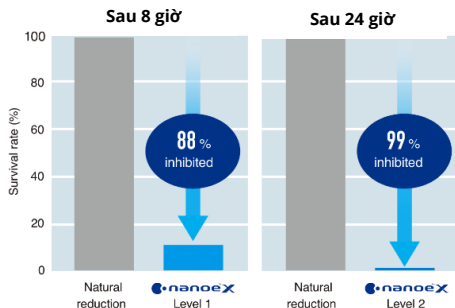


- (1) Tổ chức kiểm nghiệm: Các phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm của Nhật Bản
- (2) Đối tượng kiểm nghiệm: Nấm cladosporium trong không khí
- (3) Thể tích kiểm nghiệm: Phòng thí nghiệm khoảng 23 m<sup>3</sup> (3,6 x 2,7 x 2,4m)
- (4) Kết quả kiểm nghiệm: Ức chế 99% trong 1 giờ
- (5) Báo cáo số: 205061541-001

## LEVEL 2 Công dụng mong đợi ở nồng độ mức 2

Cấp 2 tập trung hơn 10 lần so với Cấp 1 và so với Cấp 1 mất ít thời gian hơn để nhận ra các hiệu ứng.

### Phấn hoa



#### Sau 8 giờ

- (1) Tổ chức kiểm nghiệm: Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic
- (2) Đối tượng kiểm nghiệm: Chất gây dị ứng phấn hoa tuyết tùng bám trên các bề mặt
- (3) Thể tích kiểm nghiệm: Phòng thí nghiệm khoảng 24 m<sup>3</sup> (3,64 × 2,73 × 2,4m)
- (4) Kết quả kiểm nghiệm: Ức chế 88% trong 8 giờ
- (5) Báo cáo số: BAA33-130402-F01

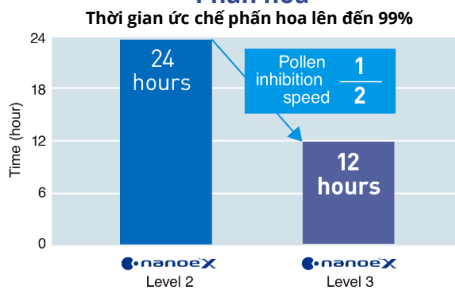
#### Sau 24 giờ

- (1) Tổ chức kiểm nghiệm: Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic
- (2) Đối tượng kiểm nghiệm: Chất gây dị ứng phấn hoa tuyết tùng bám trên các bề mặt
- (3) Thể tích kiểm nghiệm: Phòng thí nghiệm khoảng 24 m<sup>3</sup> (3,64 × 2,73 × 2,4m)
- (4) Kết quả kiểm nghiệm: Ức chế từ 99% trở lên trong 24 giờ
- (5) Báo cáo số: 4AA33-151001-F01

## LEVEL 3 Công dụng mong đợi ở nồng độ mức 3

Cấp 3 tập trung hơn 20 lần so với Cấp 1 và so với Cấp 2 mất ít thời gian hơn để nhận ra các hiệu ứng.

### Phấn hoa



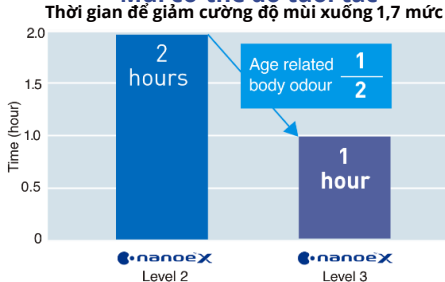
#### Mức 2

- (1) Tổ chức kiểm nghiệm: Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic
- (2) Đối tượng kiểm nghiệm: Chất gây dị ứng phấn hoa tuyết tùng bám trên các bề mặt
- (3) Thể tích kiểm nghiệm: Phòng thí nghiệm khoảng 24 m<sup>3</sup> (3,64 × 2,73 × 2,4m)
- (4) Kết quả kiểm nghiệm: Ức chế từ 99% trở lên trong 24 giờ
- (5) Báo cáo số: 4AA33-151001-F01

#### Mức 3

- (1) Tổ chức kiểm nghiệm: Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic
- (2) Đối tượng kiểm nghiệm: Chất gây dị ứng phấn hoa tuyết tùng bám trên các bề mặt
- (3) Thể tích kiểm nghiệm: Phòng thí nghiệm khoảng 24 m<sup>3</sup> (3,64 × 2,73 × 2,4m)
- (4) Kết quả kiểm nghiệm: Được chứng minh có thể ức chế 99% trở lên trong 12 giờ
- (5) Báo cáo số: L19YA009

### Mùi cơ thể do tuổi tác



#### Mức 2

- (1) Tổ chức kiểm nghiệm: Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic
- (2) Đối tượng kiểm nghiệm: Mùi cơ thể do tuổi tác bám trên bề mặt
- (3) Thể tích kiểm nghiệm: phòng kiểm nghiệm có kích thước khoảng 23 m<sup>3</sup>
- (4) Kết quả kiểm nghiệm: cường độ giảm 1,3 mức trong 2 giờ
- (5) Báo cáo số: Y18HM047-1

#### Mức 3

- (1) Tổ chức kiểm nghiệm: Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic
- (2) Đối tượng kiểm nghiệm: Mùi cơ thể do tuổi tác bám trên bề mặt
- (3) Thể tích kiểm nghiệm: phòng kiểm nghiệm có kích thước khoảng 23 m<sup>3</sup>
- (4) Kết quả kiểm nghiệm: Cường độ mùi giảm 1,7 mức trong một giờ
- (5) Báo cáo số: Y18HM059